

Số: /BDTTG-PC
V/v trả lời phản ánh tiếp nhận trên
Hệ thống thông tin báo cáo Bộ Tư pháp

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Quảng Trị, Lào Cai

Căn cứ hướng dẫn của Đảng ủy Bộ Tư pháp tại Công văn số 01-CV/ĐU¹ và căn cứ phản ánh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Quảng Trị, Lào Cai trên Hệ thống thông tin báo cáo Bộ Tư pháp (baocao.moj.gov.vn), Bộ Dân tộc và Tôn giáo trả lời chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo gửi quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Đảng ủy Bộ (để b/c);
- Sở DTTG các tỉnh, thành phố;
- Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng
- Vụ CS, VPQGDTMN, Ban TGCP;
- TT Chuyển đổi số (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Y Vinh Tor

¹ Công văn số 01-CV/ĐU ngày 09/8/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp về thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp chuyên đề của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật

Phụ lục
TRẢ LỜI PHẢN ÁNH CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ TƯ PHÁP
(baocao.moj.gov.vn)

(kèm theo Công văn số /BDTTG-PC ngày /8/2025
của Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

1. Phản ánh số 01 (Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau)

a) Nội dung phản ánh

Khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 124/2025/NĐ-CP quy định: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh” quy định mâu thuẫn với khoản 1 Điều 14 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025: “1. Ủy ban nhân dân ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình hoặc Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới...”.

b) Phương án xử lý được Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cà Mau đề xuất: Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL).

Trả lời

Bộ Dân tộc và Tôn giáo có ý kiến như sau: Theo quy định pháp luật, cơ quan chuyên môn hoạt động theo chế độ thủ trưởng (khoản 1 Điều 7 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP²).

Việc UBND tỉnh ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thì người đứng đầu cơ quan chuyên môn có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Do đó, đây không được xem như khó khăn, vướng mắc.

Ngoài ra, (i) tại khoản 2 Điều 23 Nghị định 124/2025/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh theo thẩm quyền quyết định **phân cấp**, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo... (không phải chỉ quy định về ủy quyền); (ii) khoản 2 Điều 12 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định **chính quyền địa phương được phân cấp, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn...** theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật này.

2. Phản ánh số 02 (Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị)

a) Nội dung phản ánh

Khoản 2 Điều 49 Thông tư số 05/2025/TT-BDTTG viện dẫn “đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Thông tư này”, tuy

² Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

nhiên, khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Thông tư này quy định về Phân bổ kinh phí, nội dung chi và mức chi, không quy định đối tượng.

b) Phương án xử lý được Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị đề xuất: Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL).

Trả lời

Bộ Dân tộc và Tôn giáo đang tiến hành rà soát toàn bộ Thông tư để xử lý sai sót về kỹ thuật (nếu có) như ý kiến của Sở Tư pháp Quảng Trị và ban hành văn bản đính chính.

3. Phản ánh số 03 (Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng)

a) Nội dung phản ánh

Các khái niệm về “cơ sở tín ngưỡng” chưa được thống nhất sử dụng trong các văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Khoản 4 Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo 2016; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; khoản 9 Điều 79 Luật Đất đai 2024; điểm b Khoản 1 Điều 95 Luật Đất đai 2024; Điều 212 Luật Đất đai 2024.

Đặc biệt sử dụng từ “chùa” tại Điều 79, 95 và 212 của Luật Đất đai 2024 dễ bị hiểu sai khi thực hiện công tác quản lý nhà nước.

b) Phương án xử lý được Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng đề xuất: Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL).

Trả lời

Bộ Dân tộc và Tôn giáo nhận thấy:

1. Phương án xử lý khoản 4 Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 sẽ được cân nhắc kỹ vì đây là quy định “gốc” về cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo. Các khó khăn, vướng mắc liên quan đến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đang được Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp và đề xuất xây dựng Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi) và dự kiến trình Quốc hội tại kỳ họp tháng 10/2026 (Công văn số 814/BDTTG-PC ngày 06/6/2025 gửi Bộ Tư pháp đề xuất Chương trình lập pháp năm 2025).

2. Qua rà soát cho thấy:

(i) Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016:

- Khoản 4 Điều 2 quy định: “*Cơ sở tín ngưỡng* là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác”.

- Khoản 14 Điều 2 quy định: “*Cơ sở tôn giáo* gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo.

(ii) Nghị định số 95/2023/NĐ-CP³:

Khoản 1, khoản 2 Điều 3 quy định:

“Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình tín ngưỡng là công trình xây dựng theo quy định của pháp luật do:

a) Cộng đồng dân cư đầu tư xây dựng để làm cơ sở tín ngưỡng;

b) Cộng đồng dân cư đầu tư xây dựng để làm tượng đài, bia và tháp thuộc cơ sở tín ngưỡng;

c) Dòng họ đầu tư xây dựng để làm nhà thờ dòng họ.

2. Công trình tôn giáo là công trình xây dựng theo quy định của pháp luật do:

a) Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đầu tư xây dựng để làm cơ sở tôn giáo;

b) Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đầu tư xây dựng để làm tượng đài, bia và tháp thuộc cơ sở tôn giáo.”

(iii) Luật Đất đai năm 2024:

- Khoản 9 Điều 79 quy định: “Xây dựng công trình tín ngưỡng, bao gồm: đình, đền, am, miếu và công trình tín ngưỡng hợp pháp khác”.

- Điểm b khoản 1 Điều 95 quy định: “b) Cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có công trình là chùa, đình, đền, miếu, am, nhà thờ họ, công trình tín ngưỡng khác; đất nông nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 178 của Luật này và đất đó không có tranh chấp, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng;”

- Điều 212. Đất tín ngưỡng

1. Đất tín ngưỡng là đất có công trình tín ngưỡng bao gồm đình, đền, miếu, am, nhà thờ họ; chùa không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 213 của Luật này; các công trình tín ngưỡng khác.

- Điều 213. Đất tôn giáo

1. Đất tôn giáo bao gồm đất xây dựng cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và công trình tôn giáo hợp pháp khác.

Theo đó, việc xác định cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo đã được xác định cụ thể tại Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP (căn cứ vào chủ thể đầu tư, xây dựng). Các quy định liên quan của Luật Đất đai năm 2024 cơ bản cũng đã bám sát quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo về vấn đề này.

³ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Phản ánh số 04 (Bộ Giáo dục và Đào tạo)

a) Nội dung phản ánh

Việc xây dựng chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách được căn cứ vào Điều 85 Luật Giáo dục và Nghị quyết số 41/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV. Việc xác định điều kiện được hưởng chính sách đối với học sinh và cơ sở giáo dục được căn cứ trên các quy định về phân vùng của Chính phủ (xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo). Các quy định về phân vùng này do Bộ Dân tộc và Tôn giáo (trước đây là Ủy ban Dân tộc) tham mưu Chính phủ hoặc ban hành quyết định theo thẩm quyền. Thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, sẽ có nhiều đơn vị hành chính cấp xã được sáp nhập, kéo theo sự thay đổi về phân định vùng, ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách cho học sinh và cơ sở giáo dục có học sinh được hưởng chính sách.

b) Phương án xử lý được Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất: Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

Trả lời

Bộ Dân tộc và Tôn giáo có ý kiến như sau: Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15⁴ quy định các chế độ, chính sách đặc thù đối với các đối tượng đang được hưởng trước khi sắp xếp đơn vị hành chính sẽ được giữ nguyên cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Do đó, đây không được xem là khó khăn, vướng mắc.

Ngoài ra, hiện nay, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đang chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (*Tờ trình số 1738/TTr-BDTT ngày 22/8/2025*). Dự thảo Nghị định được xây dựng bảo đảm phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính hiện nay.

5. Phản ánh số 05 (Bộ Giáo dục và Đào tạo)

a) Nội dung phản ánh

Việc quy định đối tượng tuyển sinh vào học trường phổ thông dân tộc nội trú được căn cứ vào Điều 61 Luật Giáo dục 2019. Việc xác định đối tượng tuyển sinh vào học trường phổ thông dân tộc nội trú được căn cứ trên các quy định về phân vùng của Chính phủ (xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng

⁴ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của UBTVQH về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo). Các quy định về phân vùng này do Bộ Dân tộc và Tôn giáo (trước đây là Ủy ban Dân tộc) tham mưu Chính phủ hoặc ban hành quyết định theo thẩm quyền. Thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 sẽ có nhiều đơn vị hành chính cấp xã được sáp nhập, kéo theo sự thay đổi về phân định vùng, ảnh hưởng đến đối tượng tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú.

b) Phương án xử lý được Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất: Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

Trả lời: Tương tự nội dung trả lời Phản ánh số 04.

6. Phản ánh số 06 (Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai)

a) Nội dung phản ánh

Tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 124/2025/NĐ-CP quy định: “Việc phê duyệt danh sách xã khu vực III, II, I và công nhận thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 quy định tại khoản 4, Điều 7 Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025 thuộc thẩm quyền thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”. Tại Khoản 3, Điều 10 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ có quy định 3: “Số liệu rà soát xác định các tiêu chí: Tính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019”. Như vậy, có bất cập, khó khăn ở địa phương trong việc rà soát, phê duyệt danh sách xã khu vực III, II, I và trong việc công nhận thôn đặc biệt khó khăn là: Lấy lại số liệu ở từng xã cũ (trước sáp nhập) cho các tiêu chí (như về: tỷ lệ hộ nghèo, số lao động có việc làm nhưng chưa qua đào tạo, số km đường giao thông đến trung tâm xã chưa được kiên cố, thôn chưa có đường đến trung tâm hoặc có nhưng đi lại còn rất khó khăn, thôn chưa có điện lưới quốc gia hoặc đã có nhưng trên 30% số hộ chưa được sử dụng điện lưới quốc gia...) tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019. Bất cập với vấn đề: từ thời điểm 2019 đến nay, đã qua 5 năm, điều kiện của xã, thôn đã được đầu tư, được phát triển; nếu quay lại thực trạng năm 2019 để làm tiêu chí xét cho xã, thôn hiện nay là không phù hợp. Vì vậy, đề nghị có hướng dẫn thống nhất lấy số liệu tại thời điểm khác (có thể là cuối năm 2024) phù hợp với khả năng địa phương lấy được số liệu ở thôn, xã (nếu chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo thì chỉ có sẵn tại thời điểm cuối năm 2024, còn thời điểm hiện nay chưa qua điều tra, thống kê, chưa có số liệu). Trong trường hợp ở địa phương phân định lại khu vực I, II, III cho các xã mới (hoạt động chính thức từ thời điểm ngày 01/7/2025) theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg sẽ có những bất cập trong thực một số chính sách dân tộc có

áp dụng cho các loại đối tượng theo từng khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Phương án xử lý được Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai đề xuất: Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL).

Trả lời

Tương tự nội dung trả lời Phản ánh số 04. Bên cạnh đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo thấy rằng kiến nghị hướng dẫn thống nhất lấy số liệu tại thời điểm khác (có thể là cuối năm 2024) là chưa phù hợp vì Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg quy định cho giai đoạn 2021 - 2025, tiêu chí được thống kê từ đầu giai đoạn và áp dụng cho cả giai đoạn.

Hiện nay, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đang chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (*Tờ trình số 1738/TTr-BDTTg ngày 22/8/2025*). Dự thảo Nghị định được xây dựng bảo đảm phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính hiện nay.

7. Phản ánh số 07 (Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai)

a) Nội dung phản ánh

Tại điểm b Điều 16, 17, 18, 19 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền “Tiếp nhận danh mục hoạt động tôn giáo”, “Tiếp nhận thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc”, chấp thuận việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, Chấp thuận tổ chức cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên tại điểm c khoản 1 Điều 43; khoản 1 Điều 44; điểm b khoản 3 Điều 45 và điểm b khoản 3 Điều 46 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định thẩm quyền thực hiện các nội dung trên thuộc cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh. Theo đó, tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP quy định trách nhiệm của “UBND cấp tỉnh theo thẩm quyền quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về dân tộc tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định tại Nghị định này phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và khả năng, điều kiện thực tiễn của địa phương”. Như vậy, việc giao UBND cấp tỉnh thực hiện phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện thì vẫn là thực hiện theo Luật tín ngưỡng, tôn giáo (việc quy định tại Nghị định là không cần thiết).

b) Phương án xử lý được Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai đề xuất: Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL).

Trả lời

Nghị định 124/2025/NĐ-CP được ban hành để phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo khi Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 chưa kịp sửa đổi, bổ sung.

Việc quy định tại Nghị định số 124/2025/NĐ-CP thể hiện thẩm quyền gốc ban đầu giao cho UBND tỉnh, nếu UBND tỉnh phân cấp cho Sở Dân tộc và Tôn giáo thì Sở Dân tộc và Tôn giáo cũng có thẩm quyền nhưng là thẩm quyền sau khi được phân cấp.

Việc quy định thẩm quyền của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 thể hiện thẩm quyền gốc giao cho Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Theo đó, đây không phải là nội dung khó khăn, vướng mắc./.